TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 155/2023/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 26 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T** – Sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Chị **Ngô Thị D** – Sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Ngô Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn T và chị Ngô Thị D thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Anh Trần Văn T và chị Ngô Thị D thống nhất có 02 con chung tên: Trần Lê L, sinh năm 2002 và Trần Lê G, sinh ngày 25/01/2018. Khi ly hôn, anh T và chị D thống nhất giao cháu Trần Lê G, sinh

ngày 25/01/2018 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, còn cháu L trưởng thành muốn ở với ai tùy cháu và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Anh Trần Văn T và chị Ngô Thị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí HNST*: Anh Trần Văn T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Anh Trần Văn T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006682 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho anh Trần Văn T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ